

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Theo các chuẩn mực kế toán đã ban hành

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được đánh giá lại theo tỷ lệ giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối kỳ.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

- Công ty tuyệt đối tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành.

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty được phản ánh bao gồm chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

17. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí phát sinh trong nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

18. Phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
 - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con.
 - + Lợi ích của Cổ đông thiểu số.
 - + Các khoản phải thu phải trả nội bộ giữa Công ty mẹ với Công ty con.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu, giá vốn hàng bán nội bộ, lãi lỗ nội bộ giữa Công ty mẹ với Công ty con.
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và các Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và của Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương và loại trừ dòng tiền nội bộ trên các báo cáo này.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty và của Công ty con được lập thống nhất toàn bộ theo phương pháp trực tiếp.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	1.127.126.863	1.649.130.059
- Tiền gửi ngân hàng	12.597.506.318	23.598.583.743
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	13.724.633.181	25.247.713.802

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	149.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	-	149.000.000

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu về cổ phân hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	2.082.647.006
- Phải thu khác (138, 338N)	2.106.169.724	1.420.090.383
Cộng	2.106.169.724	3.502.737.389

04. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	347.315.052	405.160.182
- Công cụ, dụng cụ	28.381.235	28.563.814
- Chi phí SX, KD dở dang	32.612.925.589	27.924.628.426
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	19.474.180	-
- Hàng gửi bán	790.466.490	4.574.870
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	33.798.562.546	28.362.927.292

- * Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm
- * Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:
- * Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT còn được khấu trừ (133)	-	-
- Thuế GTGT nộp thừa cho Nhà nước (3331)	-	-
- Thuế TNCN nộp thừa	384.604.768	-
- Thuế TNDN nộp thừa	248.174.892	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	632.779.660	-

06. Phải thu dài hạn nội bộ

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng	-	-

07. Phải thu dài hạn khác

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	-	-
- Các khoản tiền nhận uỷ thác	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Tổng số chi phí XDCB dở dang:		
Trong đó : :		
+ Công trình: K/s địa chất công trình Nhà làm việc 11 tầng	151.611.818	151.611.818
+ Công trình		
Cộng	151.611.818	151.611.818

12. Tăng giảm bất động sản đầu tư:*Đơn vị tính: Đồng*

Khoản mục	Số đầu năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư		
- Quyền sử dụng đất		
- Nhà		
- Nhà và quyền sử dụng đất		
- Cơ sở hạ tầng		
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Quyền sử dụng đất		
- Nhà		
- Nhà và quyền sử dụng đất		
- Cơ sở hạ tầng		
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư		
- Quyền sử dụng đất		
- Nhà		
- Nhà và quyền sử dụng đất		
- Cơ sở hạ tầng		

13. Đầu tư dài hạn khác:*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu		
- Đầu tư trái phiếu		
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Cho vay dài hạn		
- Đầu tư dài hạn khác		
Cộng	-	-

14. Chi phí trả trước dài hạn*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí trả trước về Thuế hoạt động TSCĐ		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Chi phí chờ giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình		
- Khác (Công cụ dụng cụ chờ phân bổ...)	660.749.107	551.750.279
Cộng	660.749.107	551.750.279

15. Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị tính: Đồng

	Cuối năm	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	14.628.674.481	16.428.083.044
+ NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thăng Long		989.089.178
+ NH TMCP Quân Đội - CN Thăng Long		
+ NH TMCP Hàng Hải - CN Quảng Ninh	190.651.372	
+ NH Đầu tư và PT Việt Nam - CN Quảng Ninh		
+ Công ty TNHH MTV Tài Chính Than - KS Việt Nam	14.438.023.109	15.438.993.866
+		
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
+ NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thăng Long		
+ NH TMCP Quân Đội - CN Thăng Long		
+ NH TMCP Hàng Hải - CN Quảng Ninh		
+ NH Đầu tư và PT Việt Nam - CN Quảng Ninh		
+ Công ty TNHH MTV Tài Chính Than - KS Việt Nam		
+		
Cộng	14.628.674.481	16.428.083.044

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	1.224.033.624	4.701.445.585
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.057.834.709
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.213.640.844
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	1.224.033.624	6.972.921.138

17. Chi phí phải trả

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Trích trước tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- Trích trước tiền lãi vay phải trả	-	-
- Trích trước chi phí tư vấn	4.948.512.678	3.206.550.857
Cộng	4.948.512.678	3.206.550.857

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	248.829.957	652.285.701
- Bảo hiểm xã hội	231.010.061	29.183.017
- Bảo hiểm y tế	2.841.484	100.636.654
- Bảo hiểm thất nghiệp	754.170	27.909.639
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-

- Các khoản phải thu khác (138C)	-	75.745.865
- Tạm ứng (141C)	-	30.695.401
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.085.896.718	9.500.289.197
Cộng	7.569.332.390	10.416.745.474

19. Phải trả dài hạn nội bộ

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Vay dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		
Cộng	-	-

20. Vay và nợ dài hạn

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
a. Vay dài hạn	1.420.613.000	3.102.428.800
- Vay ngân hàng	1.420.613.000	3.102.428.800
+ NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thăng Long	-	350.467.800
+ NH TMCP Quân Đội - CN Thăng Long	128.113.000	591.961.000
+ NH TMCP Hàng Hải - CN Quảng Ninh		
+ NH Đầu tư và PT Việt Nam - CN Quảng Ninh	1.000.000.000	1.800.000.000
+ Công ty TNHH MTV Tài Chính Than - KS Việt Nam		
- NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Uông Bí	292.500.000	360.000.000
+.....		
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành		
b. Nợ dài hạn	-	-
- Thuế tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
Cộng	1.420.613.000	3.102.428.800

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	236.698.104	236.698.104
Cộng	236.698.104	236.698.104

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	411.052.349	411.052.349
Cộng	411.052.349	411.052.349

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước (Cổ phần Nhà nước)	8.160.000.000	8.160.000.000
- Vốn góp của các Cổ đông (Cổ phần phổ thông)	7.840.000.000	7.840.000.000
- Vốn tự bổ sung		
-		
- Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng	16.000.000.000	16.000.000.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm:

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.000.000.000	16.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	16.000.000.000	16.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	16.000.000.000	16.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Cộng	16.000.000.000	16.000.000.000

d. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	2.400.000.000	2.400.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	2.400.000.000	2.400.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

đ. Cổ phiếu

Nội dung	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Cộng	1.600.000	1.600.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000

10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển	4.102.350.334	4.102.350.334
- Quỹ dự phòng tài chính	2.463.373.816	2.463.373.816
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	566.114.710	566.114.710
* Lợi nhuận chưa phân phối	3.409.460.582	

23. Nguồn kinh phí*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	2.200.000.000	700.000.000
- Chi sự nghiệp	622.246.000	655.504.000
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	1.577.754.000	44.496.000
Cộng	1.577.754.000	44.496.000

24. Tài sản thuê ngoài**1. Giá trị tài sản thuê ngoài***Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- TSCĐ thuê ngoài	-	-
- Tài sản khác thuê ngoài	-	-
Cộng	-	-

2. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Từ 1 năm trở xuống	-	-
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
- Trên 5 năm	-	-
Cộng	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)***Trong đó:**Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	164.913.122.721	242.723.608.535
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
Cộng	164.913.122.721	242.723.608.535

26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)*Trong đó:**Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán	-	
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế GTGT phải nộp (Phương pháp trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
Cộng	-	-

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)*Trong đó:**Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá		
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	164.913.122.721	242.723.608.535
Cộng	164.913.122.721	242.723.608.535

28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hoá đã bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	144.547.267.960	214.825.497.644
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán		
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	144.547.267.960	214.825.497.644

29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	169.955.664	276.688.049
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tin phiếu	-	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	
- Lãi bán ngoại tệ	-	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.550	43.850.934
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	151.276	134.572.072
- Lãi bán hàng trả chậm	-	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	
Cộng	170.161.490	455.111.055

30. Chi phí tài chính (Mã số 22)*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.356.926.767	1.961.817.158
+ <i>Lãi tiền vay ngắn hạn</i>	<i>1.167.397.779</i>	<i>1.209.240.989</i>
+ <i>Lãi tiền vay trung, dài hạn</i>	<i>189.528.988</i>	<i>752.576.169</i>
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	
- Lỗ bán ngoại tệ	-	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	215.632.006	585.937.609
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	68.644.413	13.890.633
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	
- Chi phí tài chính khác	31.291.667	
Cộng	1.672.494.853	2.561.645.400

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (MS51)*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.164.082.497	1.932.022.970
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.164.082.497	1.932.022.970

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (MS52)*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.517.804.672	6.331.957.023
+ Nguyên liệu	2.412.275.034	3.767.800.998
+ Nhiên liệu	1.343.830.826	1.564.664.399
+ Động lực	761.698.812	999.491.626
- Chi phí nhân công	49.703.513.284	72.094.619.471
- Tiền lương	44.336.262.897	64.421.435.102
- Tiền BHXH, BHYT, KPCĐ, BHYT	3.303.665.515	4.856.998.197
+ Ăn ca	2.063.584.872	2.816.185.572
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.828.624.135	2.999.978.210
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.281.538.224	28.015.412.780
- Chi phí bằng tiền khác	31.089.408.949	47.763.314.325
Cộng	107.420.889.264	157.205.281.809

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc không qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:

- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu;
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu

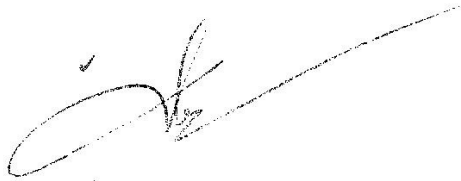
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo:

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý;
- Phần giá trị mua được thanh toán bằng tiền và các khoản tiền tương đương;
- Số tiền và các khoản tiền tương đương thực có trong Công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;
- Phần giá trị tài sản và công nợ không phải là và các khoản tiền tương đương trong Công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;

c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác;
2. Thông tin so sánh (Những thay đổi về thông tin năm trước)
3. Những thông tin khác



Người lập biểu
Đỗ Ngọc Hải
Hà Nội, Việt Nam



Kế toán trưởng
Lê Đức Tuấn



Giám đốc
Đỗ Hồng Nguyên